

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-03-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 10/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Y, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Số X, đường Y, khu dân cư O, tổ dân phố N, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ A, tổ 13B, ấp Phú Thứ, xã Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Văn M, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Số X, đường Y, khu dân cư O, tổ dân phố N, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ A, tổ 13B, ấp Phú Thứ, xã Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Y trình bày:

Bà Lê Thị Y và ông Hồ Văn M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34, quyển số I ngày 19/7/2012. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc gần 06 (sáu) năm thì phát sinh xảy mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông M không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đánh bài gây ra nợ nần, về nhà đánh đập gây thương tích cho bà Y. Vợ chồng bà Y sống không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Y xin được ly hôn với ông Hồ Văn M.

Về con chung: Bà Y và ông M có 01 con chung tên Hồ Lê Gia B, sinh ngày 18/12/2012. Bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B. Bà Y không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi cháu B.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Hồ Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Ông M thống nhất với lời trình bày của bà Y về thời điểm đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, hay gây gổ, cãi vã. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân được gần 01 năm. Ông M đồng ý ly hôn với bà Y.

Về con chung: Ông M và bà Y có 01 con chung tên Hồ Lê Gia B, sinh ngày 18/12/2012. Ông M cho rằng cháu B có nguyện vọng theo ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không giao nộp thêm chứng cứ cho Tòa án. Ông M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát:

1. Về tố tụng:

Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của Thẩm phán được thực hiện đúng theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị Y khởi kiện bị đơn ông Hồ Văn M về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn ông Hồ Văn M có địa chỉ cư trú tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hồ Văn M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Lê Thị Y và bị đơn ông Hồ Văn M kết hôn với nhau từ năm 2012, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm. Từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng bà Y luôn bất đồng quan điểm sống, hay gây gổ, cãi vã, sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân đến nay hơn 01 năm nên bà Y xin được ly hôn, ông M đồng ý ly hôn nhưng ông xin vắng mặt.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Y và ông Hồ Văn M đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn hôn nhân đã xảy ra trong một

thời gian dài nhưng hai bên vẫn không hàn gắn được. Nếu kéo dài cuộc sống chung chỉ làm khổ cho nhau. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Thị Y được ly hôn với ông Hồ Văn M theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hồ Lê Gia B, sinh ngày 18/12/2012. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2022, cháu B có nguyện vọng sống chung với mẹ. Xét cháu B còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nhiều hơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn giao cháu Hồ Lê Gia B, sinh ngày 18/12/2012 cho bà Lê Thị Y được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B. Bà Y cũng không yêu cầu ông M cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn Lê Thị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Y đối với bị đơn ông Hồ Văn M về việc: “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Y được ly hôn với ông Hồ Văn M.

Về con chung: Giao cháu Hồ Lê Gia B, sinh ngày 18/12/2012 cho bà Lê Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Lê Thị Y không yêu cầu

ông Hồ Văn M cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Hồ Văn M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0004635 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên